

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ – ST
Ngày 08 - 11 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tiến.

Ông Nguyễn Quang Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Phó Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: phường N, quận C, thành phố Hà Nội, “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt C kết hôn ngày 08 tháng 5 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn chị và anh C được tự do tìm hiểu; sau khi kết hôn vợ chồng chị ở chung

cùng gia đình nhà anh C ở thôn Ngoại Trạch 1, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên; cuộc sống tình cảm vợ chồng, gia đình thời gian đầu hòa thuận, H phúc, đến đầu năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng đều không có việc làm ổn định nên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên chị đã về nhà bố mẹ để chị ở từ cuối năm 2015 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, kể từ đó không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị tha thiết xin được ly hôn anh Nguyễn Việt C.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh, sinh ngày 10/12/2008. Hiện nay cháu Linh đang ở với chị, ly hôn chị xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Linh và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Ngày 08 tháng 5 năm 2008, chị đăng ký kết hôn với anh C. Trước khi kết hôn, chị và anh C đã có thời gian tìm hiểu, yêu nhau và đã sống cùng nhau như vợ chồng dẫn đến chị có thai. Chị khẳng định, cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2008 là con chung của chị và anh Nguyễn Việt C.

Về chia tài sản: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Việt C: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh C rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh C trình bày bằng văn bản hoặc trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị H. Anh C biết việc chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh và đề nghị giải quyết nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh nhưng anh C không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Tại lời khai của ông Nguyễn Xuân Khoát là bố đẻ anh Nguyễn Việt C thể hiện: Năm 2008 anh C kết hôn với chị Nguyễn Hồng H, sau khi kết hôn anh C, chị H ở cùng với gia đình nhà ông. Quá trình chung sống thời gian đầu anh, chị sống hòa thuận, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, sau nhiều lần mâu thuẫn chị H đã về nhà bố mẹ để chị ở từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Thời gian qua ông có nhận được một số giấy tờ của Tòa án gửi cho anh C như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, công văn; Tòa án thông báo cho anh C về việc chị H có đơn xin ly hôn, vì anh C đi làm ăn thỉnh thoảng mới về nhà nên ông đã nhận thay, sau khi nhận giấy thay, anh C về ông đã giao lại giấy cho anh C và thông báo cho anh C được biết việc chị H xin ly hôn anh C và chị H xin nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh nhưng anh C nói anh bận công việc nên không ra Tòa án để làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của chị H, anh nhất trí quan điểm của chị H là chị H xin

được nuôi cháu Linh.

Ngày 05 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xác minh tại Ủy ban nhân xã Tam Hợp cho biết: Chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Việt C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 08 tháng 5 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh C, chị H chung sống cùng gia đình anh C ở xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến khoảng đầu năm 2015 anh, chị không sống cùng nhau nữa, nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị H đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Việt C; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H vì chị H không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Hồng H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Việt C và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Việt C hiện đang cư trú tại: Xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Việt C đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng H khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh C cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và lời khai của chị H thể hiện chị Nguyễn Hồng H và anh Nguyễn Việt C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 08 tháng 5 năm 2008, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên hàng ngày thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong những lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa chị H đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, nếu Tòa án không cho chị ly hôn với anh C, chị cũng không thể về đoàn tụ với anh C được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ “Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này nếu anh C không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như anh đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” nhưng anh C vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng anh C đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa chị H và anh C không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng H phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh, sinh ngày 10/12/2008. Kể từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay cháu Linh vẫn sống cùng chị H. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị H tha thiết xin được nuôi cháu Linh và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, anh C tuy không có văn bản làm việc trực tiếp tại tòa nhưng qua lời khai của ông Khoát cho biết việc chị H xin nuôi cháu Linh, anh hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì, điều này hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh xin được ở với chị H; do vậy cần giao cháu Linh cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H vì chị H không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Linh mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì anh C có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, anh C vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Việt C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Linh, sinh ngày 10/12/2008 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003120 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- UBND xã Tam Hợp
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân

Tẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tiến

Nguyễn Quang Thái

Trần Thị Lan

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan

Điều 34. Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức

1. Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết.

2. Quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này là quyết định đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Trường hợp vụ việc dân sự có liên quan đến quyết định này thì phải được Tòa án xem xét trong cùng một vụ việc dân sự đó.

3. Khi xem xét hủy quyết định quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

4. Thẩm quyền của cấp Tòa án giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp có xem xét việc hủy quyết định cá biệt quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo quy định tương ứng của Luật tố tụng hành chính về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mục 2. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN CÁC CẤP

Điều 35. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện

1. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp sau đây:

a) Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này, trừ tranh chấp quy định tại khoản 7 Điều 26 của Bộ luật này;

b) Tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật này;

c) Tranh chấp về lao động quy định tại Điều 32 của Bộ luật này.

2. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này;

b) Yêu cầu về hôn nhân và gia đình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 29 của Bộ luật này;

c) Yêu cầu về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 và khoản 6 Điều 31 của Bộ luật này;

d) Yêu cầu về lao động quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 33 của Bộ luật này.

3. Những tranh chấp, yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam theo quy định của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tiến

Lê Thị Bích Thuần

Trần Thị Lan

